

WEB CUNG CẤP THỰC PHẨM XANH

1. Hoạt động nghiệp vụ:

Các Actor: Admin, quản lý kho, khách hàng **Admin:**

- Thu mua, nhập khẩu các sản phẩm đã qua kiểm định từ nông dân
- Thêm, xóa, sửa các sản phẩm trên website bao gồm các thông tin: tên sản phẩm, xuất xứ, chất lượng, giá, thời gian sử dụng, ...
- Quản lý các đơn đặt hàng bao gồm các thông tin như: tên khách hàng, địa chỉ nhận hàng, số điện thoại, thời gian giao nhận hàng.
- Tư vấn, trả lời các câu hỏi từ khách hàng thông qua chatbox Bot đối với các câu hỏi thường xuyên gặp phải. Trả lời trực tiếp với các phản hồi đòi trả hàng, đóng góp ý kiến, ...

Quản lý kho

- Cập nhật số lượng sản phẩm nhập vào và xuất ra lên trên hệ thống bao gồm: tên sản phẩm, xuất xứ, thời gian nhập xuất, số lượng nhập xuất, số lượng còn lại (tồn kho).
- Tiếp nhận và điều phối các đơn đặt hàng, liên hệ với khách hàng qua số điện thoại trường hợp thông tin khách hàng cung cấp chưa rõ ràng hoặc chưa chính xác.
- Xác nhận các đơn đặt hàng đã giao và thời gian giao nhận hàng lên hệ thống

Khách hàng

- Khách hàng khi mua hàng phải đăng kí tài khoản và cung cấp thông tin khách hàng bao gồm: Họ và tên, mật khẩu tài khoản, số điện thoại, địa chỉ, email.
- Khi đặt hàng khách hàng cần cung cấp thông tin về tên người nhận, địa chỉ nhận, số điện thoại liên hệ và chọn hình thức thanh toán (trực tuyến hoặc thanh toán khi nhận hàng) các thông tin trên là bắt buộc.
- Cho phép khách hàng kiểm tra hàng nếu có vấn đề xảy ra từ phía nhà cung cấp, khách hàng vui lòng chụp ảnh kèm theo phản hồi trên chatbox của website. Nhà cung cấp sẽ tiến hành đổi trả sản phẩm cho khách hàng. Lưu ý thời gian phản hồi đổi trả hàng sau 2 ngày kể từ lúc nhận hàng.
- Trường hợp thanh toán khi nhận hàng, khách hàng chuẩn bị số tiền đúng với giá trên website đưa ra và thanh toán trực tiếp cho nhân viên giao hàng.

Đăng kí		
Tên		Đăng ký
Mô tả		Người dùng đăng ký tài khoản để trở thành thành viên của hệ thống
Tác nhân		Khách hàng
Bao gồm các chức năng		None
Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		Người dùng chưa là thành viên của hệ thống
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	<ol style="list-style-type: none"> Tại trang chủ, người dùng nhấn vào {Tạo tài khoản} trong phần Đăng nhập Người dùng nhập: <ul style="list-style-type: none"> Họ tên Số điện thoại Email Mật khẩu
		<ol style="list-style-type: none"> Người dùng nhấn nút {Đăng ký} Nếu đăng ký thành công về trang chủ
	Luồng phụ	<ol style="list-style-type: none"> Hệ thống sẽ kiểm tra nếu email đã tồn tại phải đăng ký email khác
Điều kiện sau		Khách hàng trở thành thành viên của website và sử dụng được hầu hết các chức năng của hệ thống.

Đăng nhập

Đăng Nhập	
Tên	Đăng nhập

Mô tả		Người dùng sử dụng tài khoản để đăng nhập vào hệ thống
Tác nhân		Khách hàng
Bao gồm các chức năng		None
Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		Người dùng đã đăng kí tài khoản
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	1.Tại trang chủ, người dùng nhấn vào phần Đăng nhập 2.Người dùng nhập:
		<ul style="list-style-type: none">Tài khoảnMật khẩu 3.Người dùng nhấn nút {Đăng nhập} 4.Nếu đăng nhập thành công về trang chủ
	Luồng phụ	5. Nếu tài khoản chưa tồn tại sẽ hiện cần đăng kí tài khoản.Nếu mật khẩu sai sẽ hiện lấy lại mật khẩu
Điều kiện sau		Khách hàng thực hiện được hầu hết các chức năng của hệ thống.

Lịch sử đặt hàng

Lịch sử đặt hàng	
Tên	Lịch sử đặt hàng
Mô tả	Người dùng xem lại lịch sử đặt hàng
Tác nhân	Khách hàng
Bao gồm các chức năng	Đăng nhập

Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		Người dùng đã đăng kí tài khoản
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	1. Sau khi đăng nhập người dùng nhấn vào lịch sử đặt hàng
	Luồng phụ	2. Nếu người dùng chưa từng đặt hàng sẽ hiện là “không có lịch sử đặt hàng”
Điều kiện sau		Khách hàng xem được những lịch sử đặt hàng của mình

Tìm kiếm

Tìm kiếm		
Tên		Tìm kiếm
Mô tả		Người dùng tìm kiếm sản phẩm mong muốn
Tác nhân		Khách hàng
Bao gồm các chức năng		None
Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		None
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	1.Tại trang chủ, người dùng nhấn vào khung tìm kiếm 2.Người dùng nhập: Tên sản phẩm cần tìm

		3.Người dùng nhấn nút {Tìm kiếm} 4.Nếu có sản phẩm sẽ hiện ra
	Luồng phụ	5. Nếu sản phẩm người dùng tìm kiếm không có sẽ thông báo không tìm thấy
Điều kiện sau		None

Chat

Chat		
Tên		Chat
Mô tả		Cho phép người dùng trao đổi với website
Tác nhân		Khách hàng, Admin
Bao gồm các chức năng		Đăng nhập
Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		None
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	<div><div>1.</div><div>Tại trang chủ, người dùng nhấn vào {Chat}</div></div> <div><div>2.</div><div>Người dùng đăng nhập Zalo</div></div>
		<div><div>3.</div><div>Sau khi người dùng đăng nhập vào tài khoản</div></div> <div><div>4.</div><div>Nhắn tin cho website</div></div>

	Luồng phụ	5. Nếu người dùng chưa có tài khoản sẽ không thể chat
Điều kiện sau		None

Xem khuyến mãi

Xem khuyến mãi		
Tên		Xem khuyến mãi
Mô tả		Người dùng dùng xem những sản phẩm được khuyến mãi
Tác nhân		Khách hàng
Bao gồm các chức năng		None
Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		None
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	1. Tại trang chủ các sản phẩm đang được khuyến mãi sẽ hiện lên đầu
		2. Những sản phẩm đang được khuyến mãi sẽ hiện ra
	Luồng phụ	3. Nếu không có sản phẩm được khuyến mãi sẽ hiển thị trống
Điều kiện sau		None

Xem sản phẩm theo danh mục

Tên	Xem sản phẩm theo danh mục
Mô tả	Người dùng truy cập vào trang web để xem sản phẩm theo danh mục
Tác nhân	User, Guest, Admin
Bao gồm các chức năng	Xem theo sản phẩm theo từng danh mục
Mở rộng các chức năng	None
Điều kiện tiên quyết	None
Luồng sự kiện	
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào website 2. Chọn vào danh mục sản phẩm để xem các sản phẩm 3. Hệ thống sẽ lọc và đưa ra các sản phẩm theo danh mục đã chọn
Điều kiện sau	Khách hàng có thể nhấn vào sản phẩm để xem chi tiết thông tin sản phẩm

Quản lý tồn kho

UC – Quản lý tồn kho	
Tên	Quản lý tồn kho
Mô tả	Người dùng xem và nhập liệu thông tin về sản phẩm và số lượng còn lại trong kho

Tác nhân		Quản lí kho
Bao gồm các chức năng		Đăng nhập
Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		Người dùng là thành viên của hệ thống và được phân quyền là quản lí kho
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	<div>1. Tại trang chủ, người dùng nhấn phần Đăng nhập. Sau khi Đăng nhập hoàn tất, người dùng nhấn vào Quản lí tồn kho.</div> <div>2. Người dùng có thể thực hiện các thao tác sau:</div>
		<div><div><div>• Xem các sản phẩm cũng như số lượng của từng loại</div><div>• Cập nhập thông tin về sản phẩm o Thêm sản phẩm o Xóa sản phẩm o Sửa thông tin sản phẩm như: tên sản phẩm, nguồn gốc, số lượng,...</div></div><div>3. Người dùng nhấn nút {Hoàn tất}</div><div>4. Nếu thực hiện thành công thì quay về trang chủ</div></div>
	Luồng phụ	<div>5. None</div>
Điều kiện sau		Khách hàng xem được và thống kê sản phẩm của cửa hàng

Quản lí đơn hàng

UC – Quản lí đơn hàng	
Tên	Quản lí đơn hàng
Mô tả	Người dùng xác nhận thanh toán đơn hàng và theo dõi đơn vị vận chuyển
Tác nhân	Quản lí kho và admin

Bao gồm các chức năng		Đăng nhập
Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		Người dùng là thành viên của hệ thống và được cấp quyền tham gia quản lí
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tại trang chủ, người dùng nhấn phần Đăng nhập. Sau khi Đăng nhập hoàn tất, người dùng nhấn vào tiếp Quản lí đơn hàng 2. Người dùng có thể thực hiện các thao tác sau: <ul style="list-style-type: none"> • Xem tên các sản phẩm cũng như số lượng trong đơn hàng • Kiểm tra thông tin người nhận và liên hệ với đơn vị vận chuyển
		<ol style="list-style-type: none"> 3. Người dùng bấm vào Xác nhận thanh toán để xác nhận đơn hàng. 4. Sau khi xác nhận thành công, hệ thống gửi thông báo cho người mua rằng đơn hàng đã được chuẩn bị 5. Người dùng bấm vào theo dõi đơn hàng để xem thời gian chuyển giao hàng hóa cho đơn vị vận chuyển 6. Người dùng bấm nút {Hoàn tất} 6. Nếu thực hiện thành công thì quay về trang chủ
	Luồng phụ	None
Điều kiện sau		None

Giỏ hàng

UC – Giỏ hàng

Tên		Giỏ hàng
Mô tả		Người dùng xem các sản phẩm mình đã thêm vào giỏ hàng và lựa chọn mua một hoặc nhiều sản phẩm trong 1 lần
Tác nhân		User
Bao gồm các chức năng		Đăng nhập
Mở rộng các chức năng		None
Điều kiện tiên quyết		Người dùng là thành viên của hệ thống
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	3. Tại trang chủ, người dùng nhấn phần Giỏ hàng. 4. Người dùng có thể thực hiện các thao tác sau:
		<ul style="list-style-type: none">Xem tên các sản phẩm cũng như số lượng mà mình đã thêm vào giỏ hàng trước đóChọn sản phẩm mà mình muốn mua và đến phần Mua hàng 7. Người dùng bấm nút {Về trang chủ} nếu xem xong nhưng không muốn mua hàng 8. Nếu thực hiện thành công thì quay về trang chủ
	Luồng phụ	8. Nếu người dùng chọn sản phẩm và bấm {Mua hàng} thì dẫn danh sách sản phẩm đến trang Mua hàng
Điều kiện sau		None

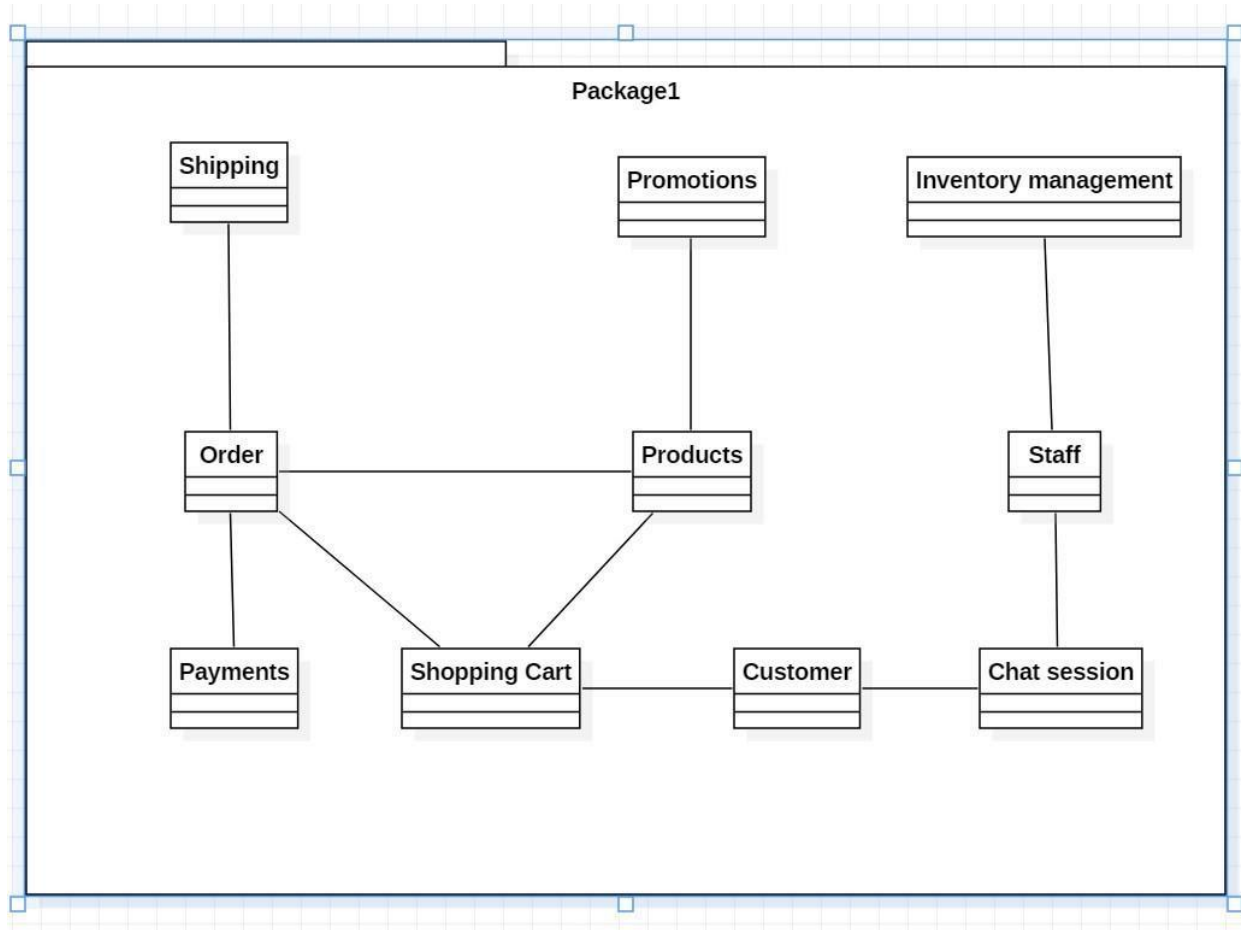
Thanh toán

UC – Mua hàng	
Tên	Thanh toán

Mô tả	Người dùng thanh toán sau khi chọn sản phẩm ở Trang chủ hoặc Giỏ hàng	
Tác nhân	User	
Bao gồm các chức năng	Đăng nhập	
Mở rộng các chức năng	None	
Điều kiện tiên quyết	Người dùng là thành viên của hệ thống đã chọn sản phẩm	
Luồng sự kiện		
	Luồng chính	1. Tại phần Thanh toán, người dùng có thể thực hiện các thao tác sau:
		<div><ul style="list-style-type: none">Xem lại thông tin sản phẩm: tên sản phẩm, số lượng, thời gian giao hàng dự tính,Chọn hình thức thanh toán: online hay sau khi nhận hàng</div> <div><ol style="list-style-type: none">Người dùng bấm nút {Hoàn tất}Sau khi xác nhận thành công, hệ thống gửi thông báo cho người mua rằng đơn hàng đã được tạoNgười dùng bấm nút { Về trang chủ }Nếu thực hiện thành công thì quay về trang chủ</div>
	Luồng phụ	None
Điều kiện sau	None	

Xem xét Use Case Diagram của hệ thống:

- Phân tích Use Case “**Xem sản phẩm**” chúng ta xác định thực thể sản phẩm (**Products**). Sản phẩm được phân loại theo chủng loại (**Product Types**) nên lớp này có quan hệ với class **Products**.
- Xem xét Use Case “**Xem khuyến mãi**” xác định Class Chương trình khuyến mãi (**Promotions**)
- Use Case “**Xem chi tiết sản phẩm**” xác định class **Product Details**. Class này có mối quan hệ với class **Products**.
- Use Case “**Quản lý giỏ hàng**” xác định Class giỏ hàng (**Shopping Carts**)
- Use Case “**Đăng ký thành viên**” → Khách hàng (**Customers**)
- Use Case **Chat** → Class **Chat session**. Những người dùng tham gia Chat là **Staff** và **Customer**
- Use Case “**Quản lý đơn hàng**” → Class đơn hàng (**Orders**), class thu tiền (**Payments**) và Quản lý chuyển hàng (**Shipping**) có thể là 2 lớp có liên quan với Class **Orders**.
- Use Case “**Quản lý tồn kho**” → Class **Inventory Management**, có quan hệ với class **Products** và **Order**
 - Class dự kiến như sau:



Xác định thuộc tính và quan hệ cho các lớp

- **Products** cần những thuộc tính sau: Mã sản phẩm, tên sản phẩm, mô tả, giá bán, khuyến mãi, mã loại sản phẩm. Trong đó, thuộc tính giá thay đổi theo thời gian nên chúng ta nên tách ra thành lớp riêng là Giá (**Prices**).
- **Prices**: có các thuộc tính là Mã sản phẩm, Giá, ngày bắt đầu, ngày hết hạn.
- **Promotions**: tương tự như giá nó cần có lớp riêng với các thuộc tính là Mã sản phẩm, Mã sản phẩm, Mô tả khuyến mãi, Giá trị khuyến mãi, Ngày bắt đầu, Ngày hết hạn.
- **Product Types**: chứa Mã loại sản phẩm và tên loại sản phẩm
- **Shopping Carts**: chứa các thông tin như: cartID, ngày, mã sản phẩm, số lượng, đơn giá. Chúng ta nhận thấy nếu để nguyên lớp này khi tạo đối tượng chúng sẽ lập thông tin cartID và ngày mua nên tách chúng

ra thành **ShoppingCarts** với các thuộc tính CartID, ngày và **CartDetails** với các thuộc tính ProductID, số lượng, đơn giá.

- Tương tự chúng ta có class **Orders** với OrderID, ngày, customerID, status và class **Orderdetails** với OrderID, ProductID, số lượng, PromotionID, đơn giá
- **Payments**: chứa các thông tin như PaymentID, OrderID, ngày trả, số tiền, hình thức thanh toán.
- **Shippings**: có thể chứa ShippingID, OrderID, Ngày chuyển, ngày đến, số tiền, phương thức vận chuyển.
- **Customers**: CustomerID, Họ và tên, địa chỉ, điện thoại, mật khẩu.
- **Staff**: StaffID, Họ và tên, StaffStatus.
- **ChatSessions**: ChatsessionID, StaffID, CustmerID, nội dung tin nhắn, ngày.
- **Inventory Management**: ProductID, số lượng nhập, số lượng xuất.

Sequence Diagram

Xác định các Use Case cần thiết kế

Chúng ta có thể thấy các Use Case sau cần thiết kế:

- Đăng kí
- Đăng nhập
- Xem chi tiết sản phẩm
- Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
- Thanh toán

1. Đăng kí

Khách hàng: Nhấn vào nút Đăng kí trên Giao diện Trang chủ

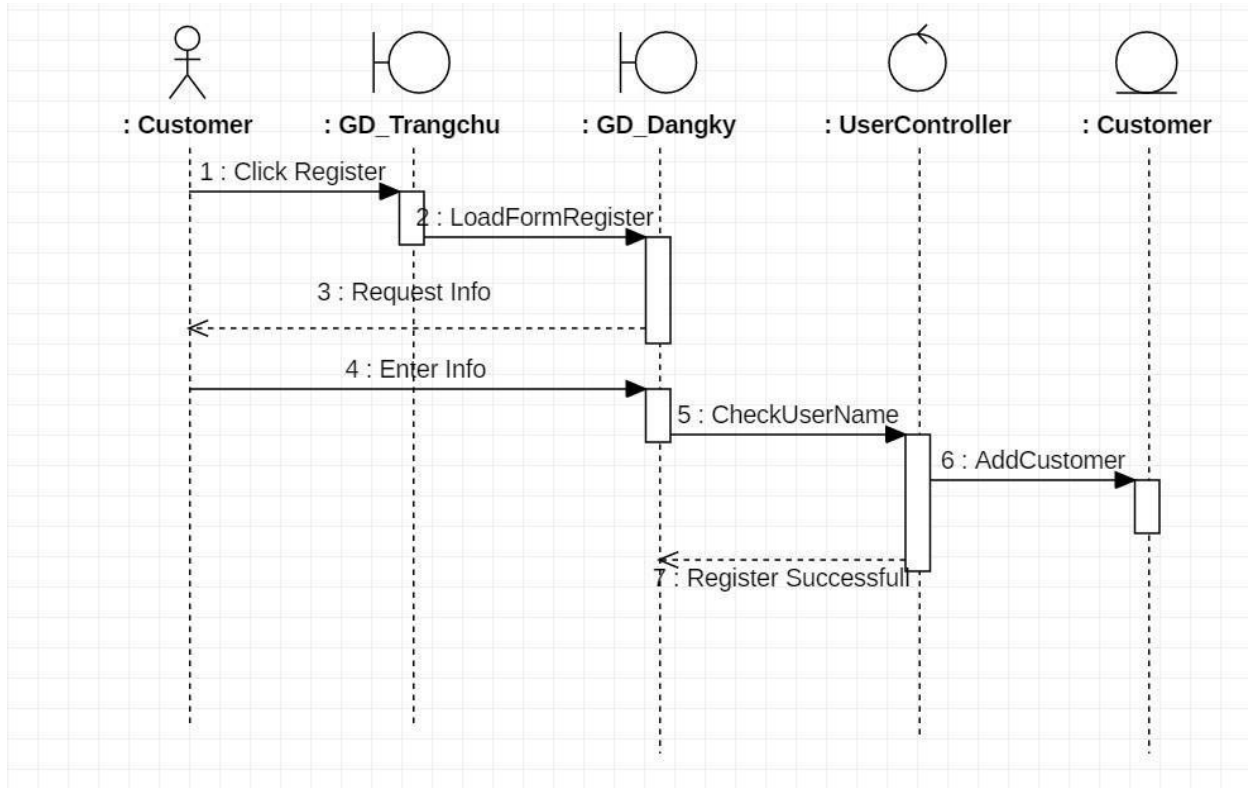
Giao diện Trang chủ: Đưa khách hàng đến giao diện Đăng kí

Giao diện đăng kí: Yêu cầu khách hàng nhập đầy đủ thông tin

Khách hàng: Nhập thông tin và nhấn vào nút đăng kí trên Giao diện Controller

User: Kiểm tra username từ Class **Customer** và lưu thông tin tài khoản vào Class **Customer**

Controller User: Thông báo đăng kí tài khoản thành công lên Giao diện Đăng kí



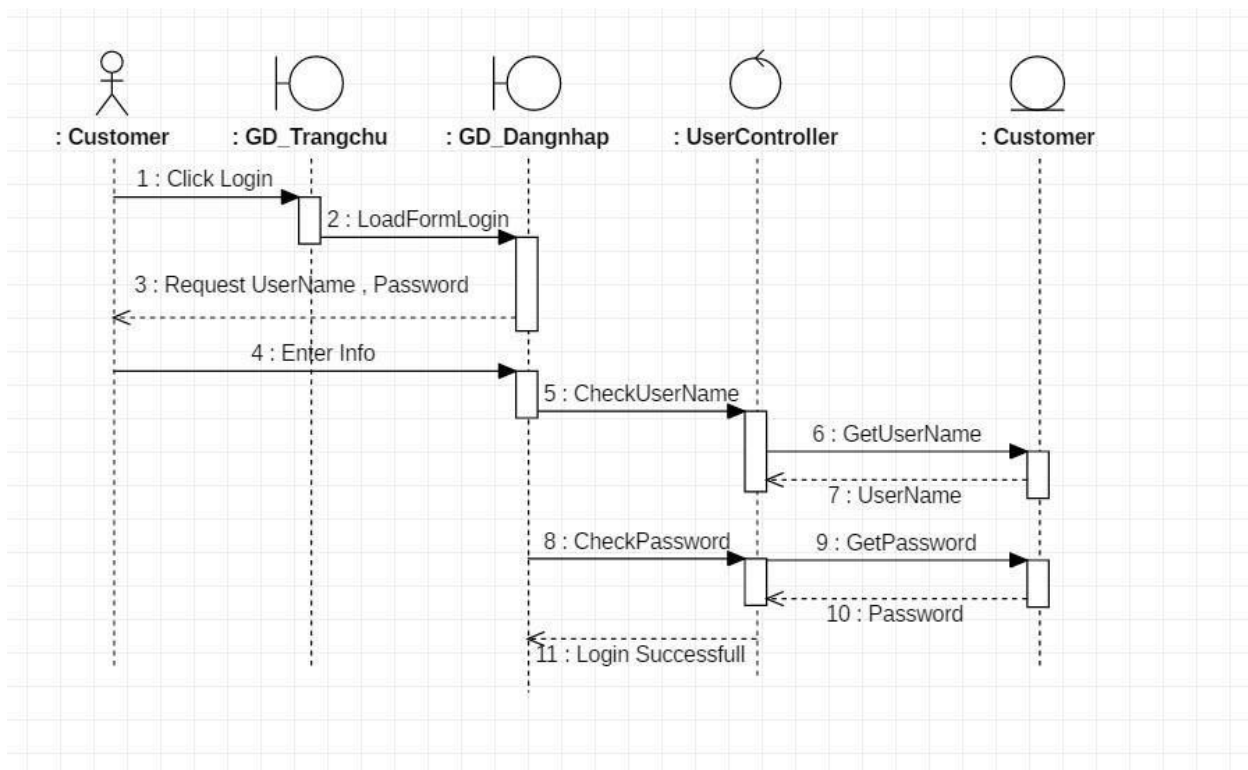
2. Đăng nhập

Khách hàng: Nhấn vào nút Đăng nhập trên Giao diện Trang chủ

Giao diện Trang chủ: Đưa khách hàng đến giao diện Đăng nhập
Giao diện đăng nhập: Yêu cầu khách hàng nhập UserName và PassWord

Khách hàng: Nhập thông tin và nhấn vào nút đăng nhập trên Giao diện

Controller User: Kiểm tra username và PassWord từ Class **Customer**



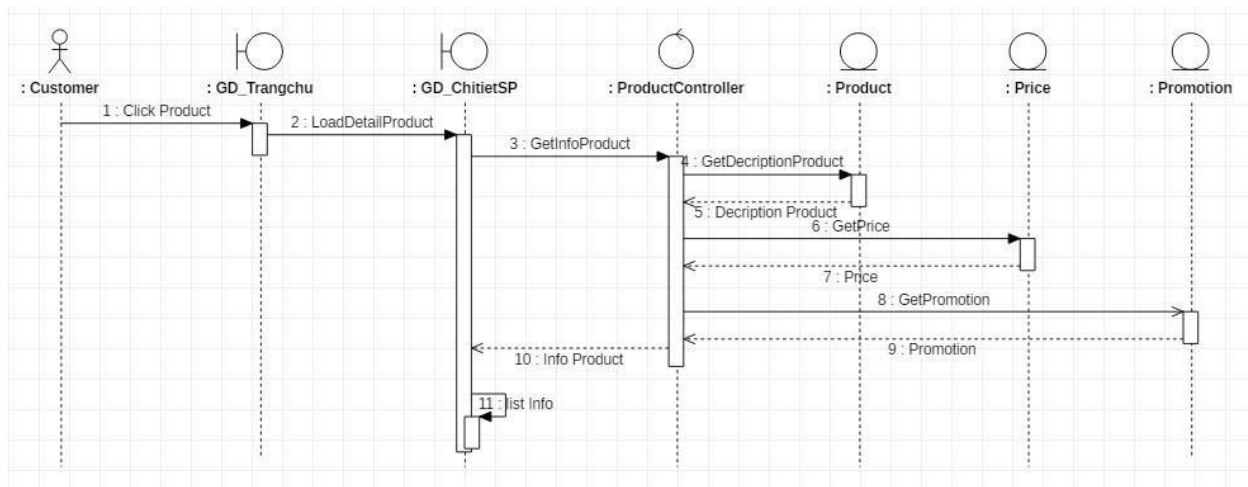
3. Chi tiết sản phẩm

Khách hàng: Nhấn vào sản phẩm trên giao diện trang chủ

Giao diện trang chủ: Đưa người dùng đến giao diện chi tiết sản phẩm

Controller Product: Lấy mô tả từ Class Product, giá từ class Prices, chương trình khuyến mãi từ class Promotion

Giao diện chi tiết sản phẩm: Tổng hợp thông tin sản phẩm và hiển thị ra màn hình



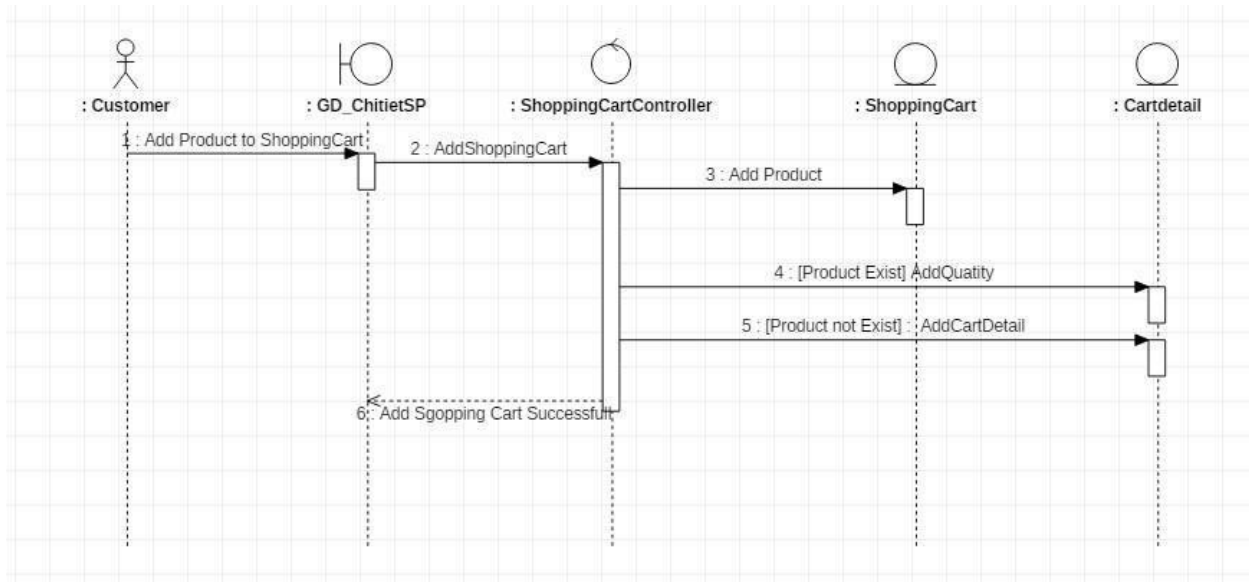
4. Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

Khách hàng: Nhấn vào nút Thêm vào giỏ hàng Giao diện chi tiết sản phẩm

Controller ShoppingCart: Kiểm tra Product trong giỏ hàng

Controller ShoppingCart: Thêm sản phẩm vào Class **ShoppingCart** và **CartDetail**

Giao diện chi tiết sản phẩm: Thông báo thêm thành công



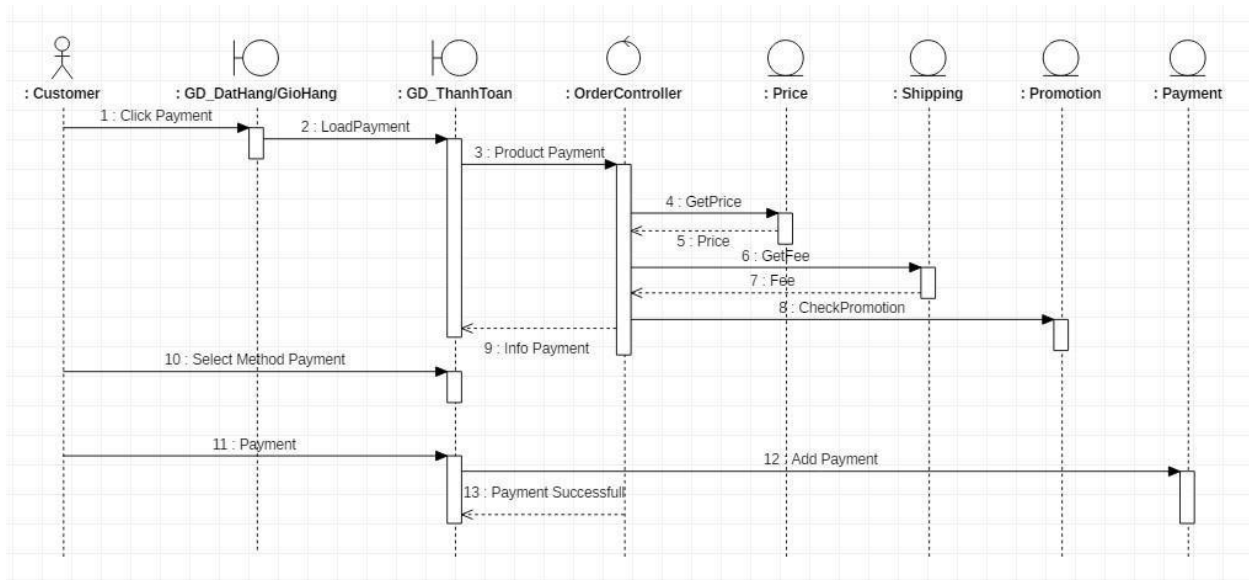
5. Thanh toán

Khách hàng: Nhấn vào nút thanh toán trên Giao diện đặt hàng hoặc Giao diện Giỏ hàng

Giao diện đặt hàng/ giỏ hàng: Đưa người dùng đến giao diện thanh toán **Controller Order:** Lấy giá của sản phẩm từ class **Prices** và chi phí vận chuyển từ class **Shipping** hiển thị ra màn hình **Khách hàng:** Lựa chọn hình thức thanh toán

Khách hàng: Thanh toán hóa đơn theo phương thức đã chọn

Controller Order: Thông báo thanh toán thành công lên giao diện thanh toán



6. Quản lý sản phẩm

Giao diện quản lý: Có chức năng thêm sửa xóa và xem mô tả sản phẩm
 nhấn nút thêm mới sẽ hiện giao diện thêm mới nhấn nút sửa sẽ hiện giao diện sửa nhấn nút xóa sẽ xóa sản phẩm

Giao diện thêm mới: Yêu cầu nhân viên nhập thông tin sản phẩm

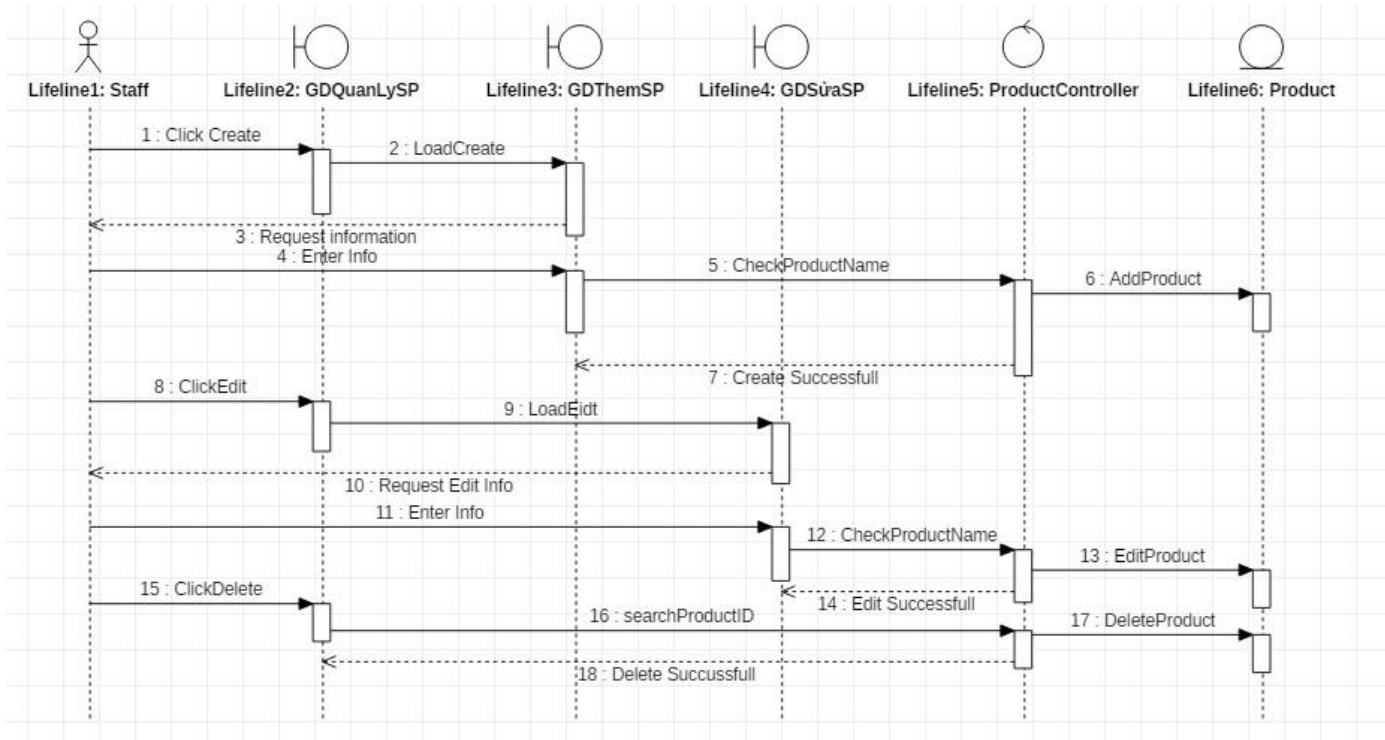
Nhân viên: Nhập thông tin sản phẩm

Product: Kiểm tra tên sản phẩm từ class Product và lưu thông tin sản phẩm vào class Product

Giao diện sửa: Yêu cầu người nhân viên thông tin cần sửa

Nhân viên: Nhập thông tin cần sửa

Product: Kiểm tra tên sản phẩm từ class Product và lưu thông tin sản phẩm vào class Product



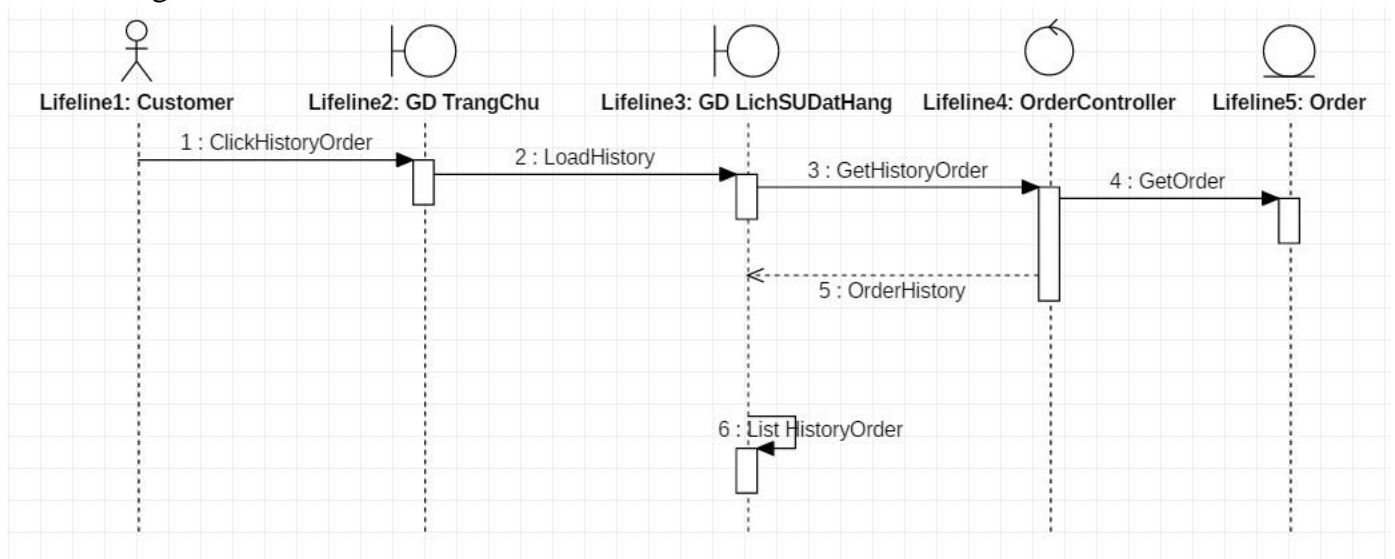
7. Xem lịch sử đặt hàng

Khách hàng: Nhấn vào lịch sử đặt hàng trên giao diện trang chủ

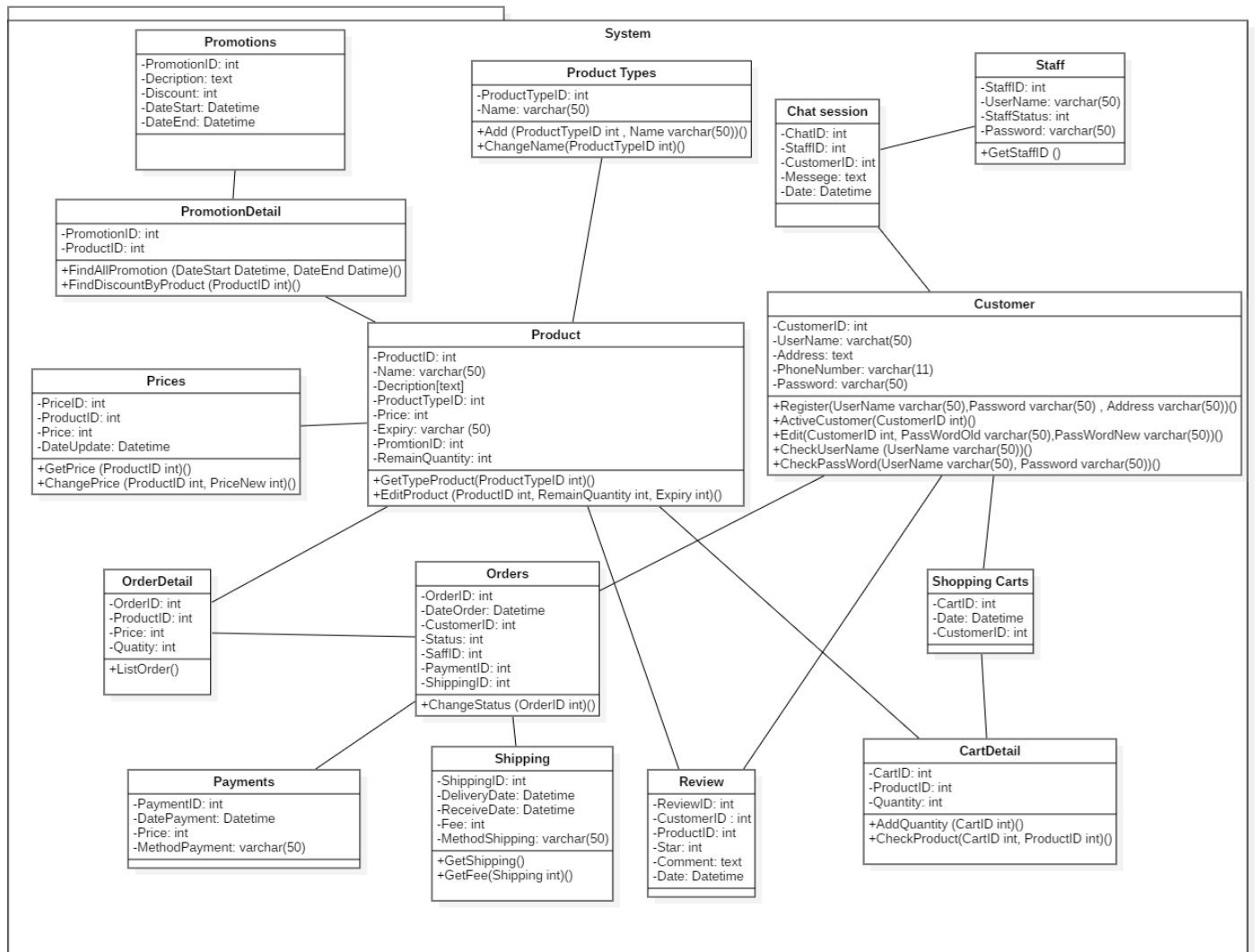
Giao diện trang chủ: Đưa người dùng đến giao diện lịch sử đặt hàng

OrderController: Lấy các đơn hàng đã đặt từ Order

Giao diện Lịch sử đặt hàng: Tổng hợp lại và in danh sách lịch sử đặt hàng

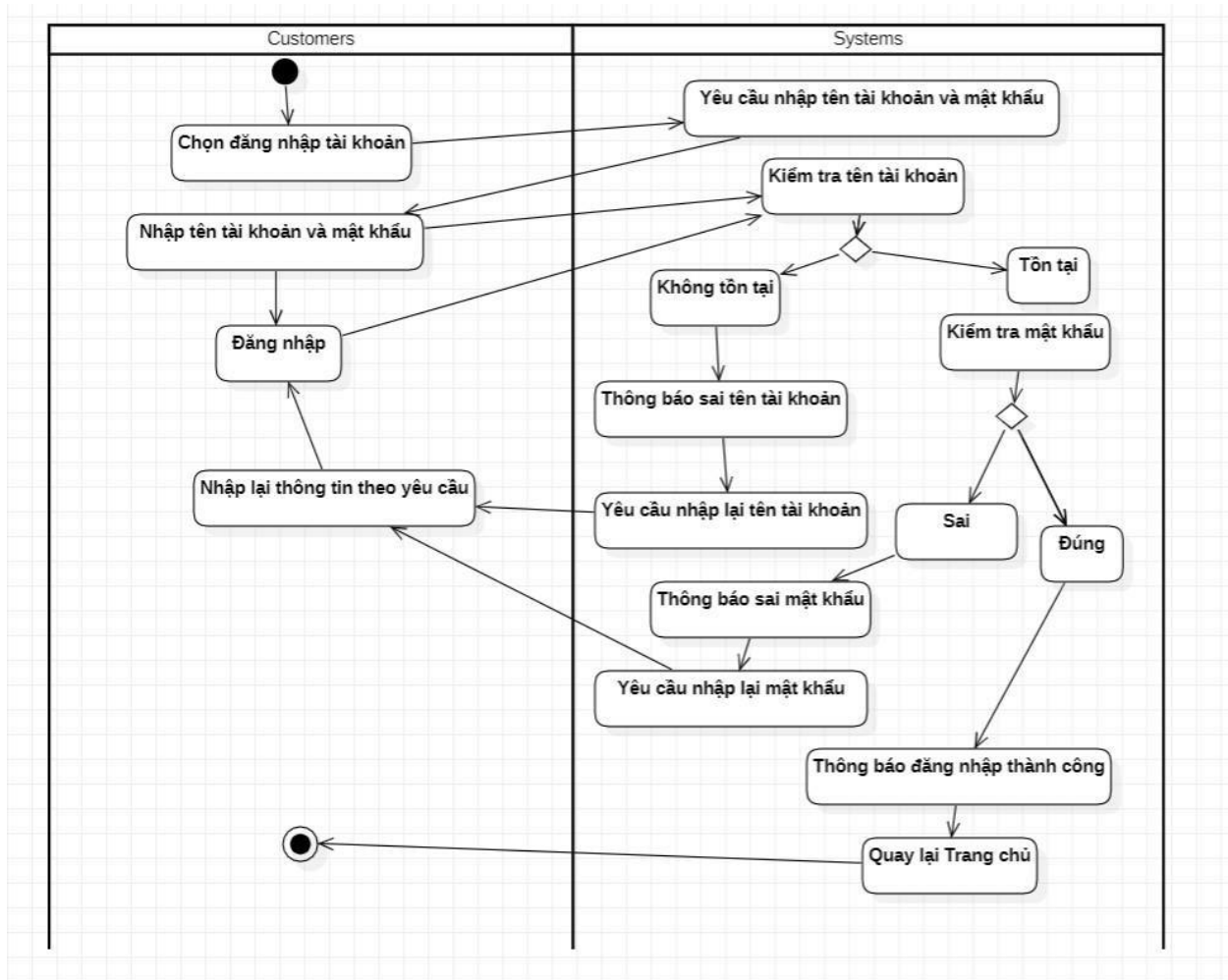


Class Diagram:

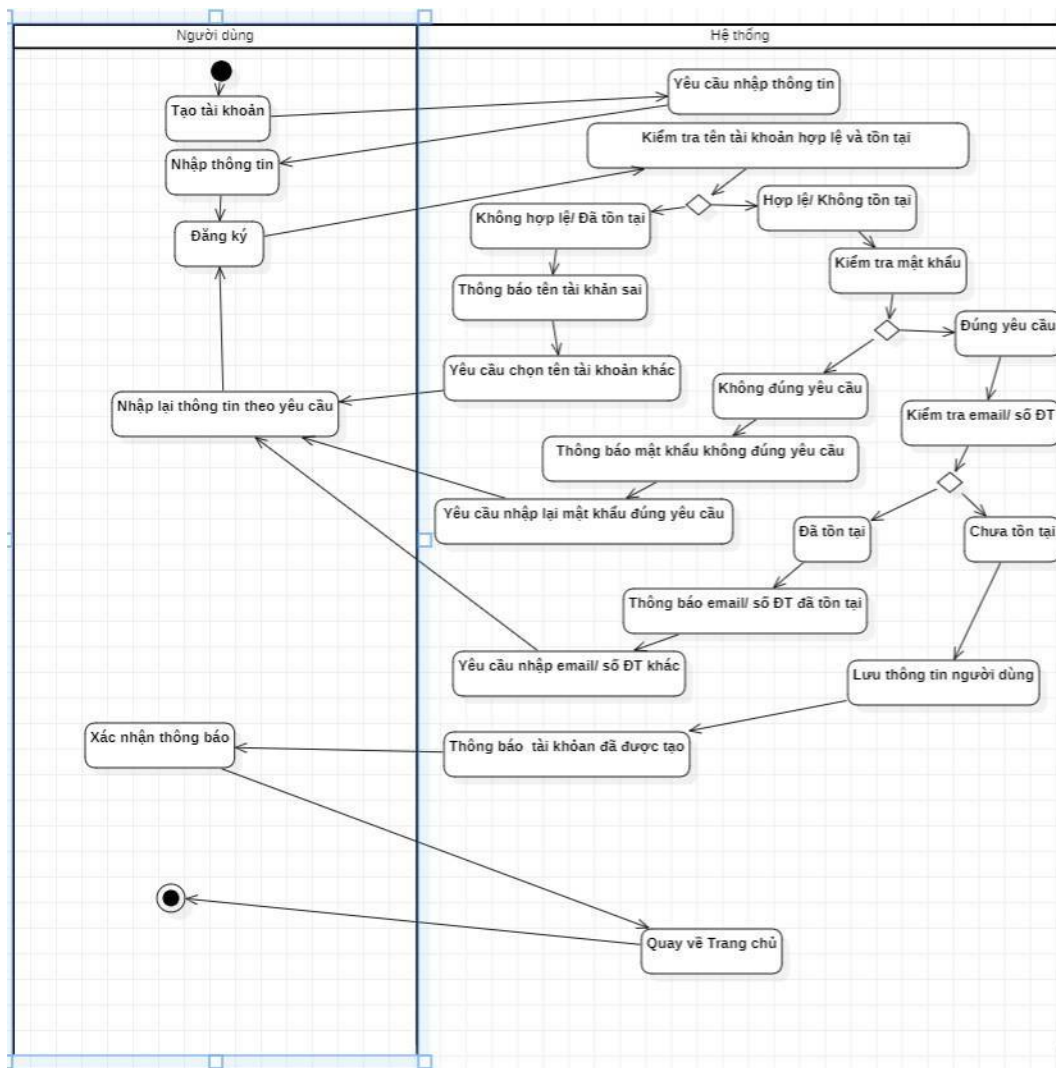


ACTIVITY DIAGRAM

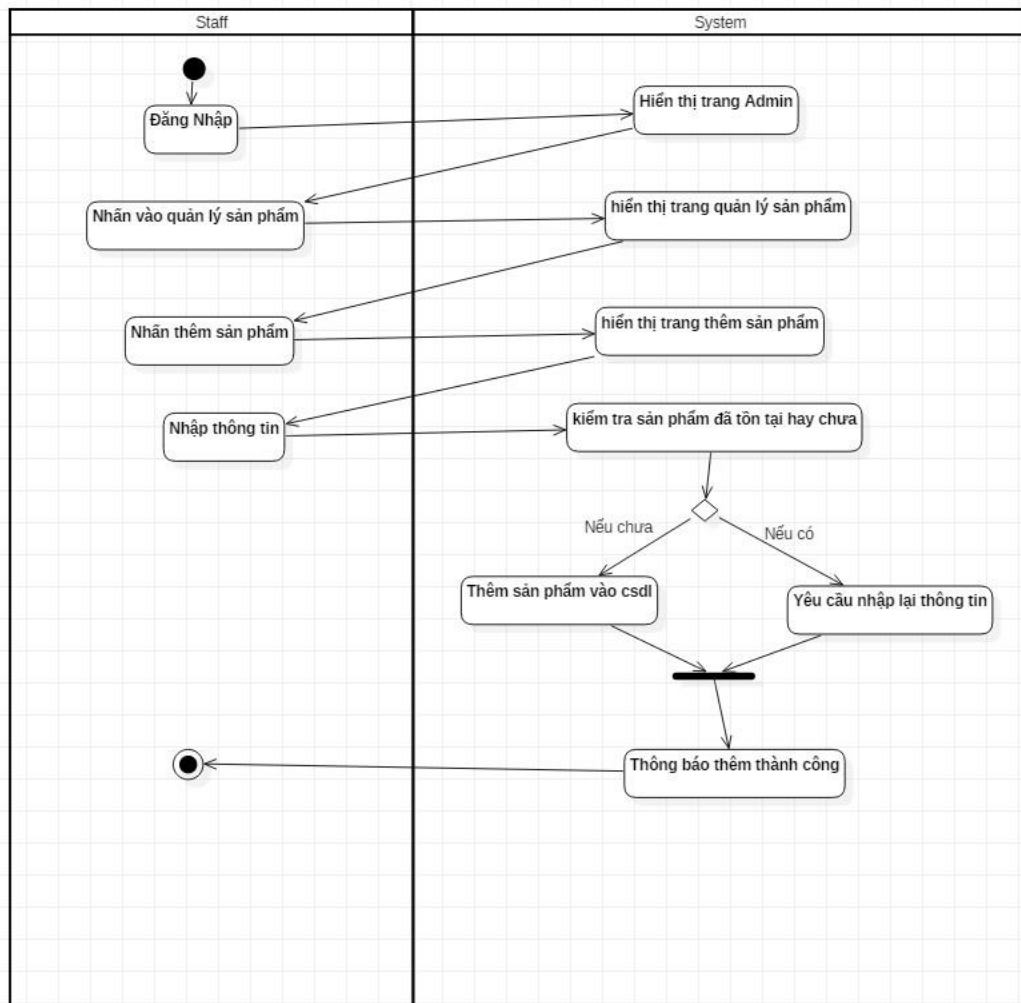
1. Đăng nhập



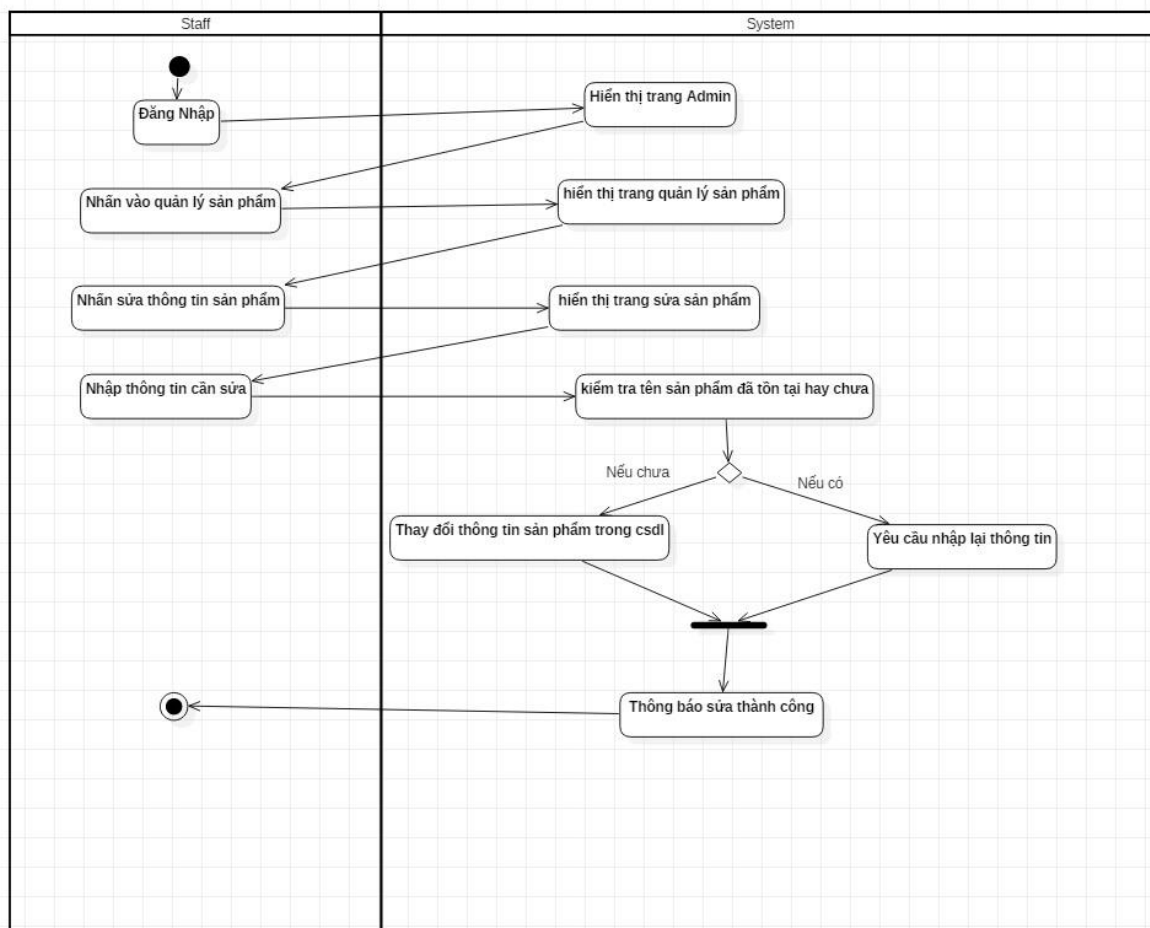
2. Đăng Kí



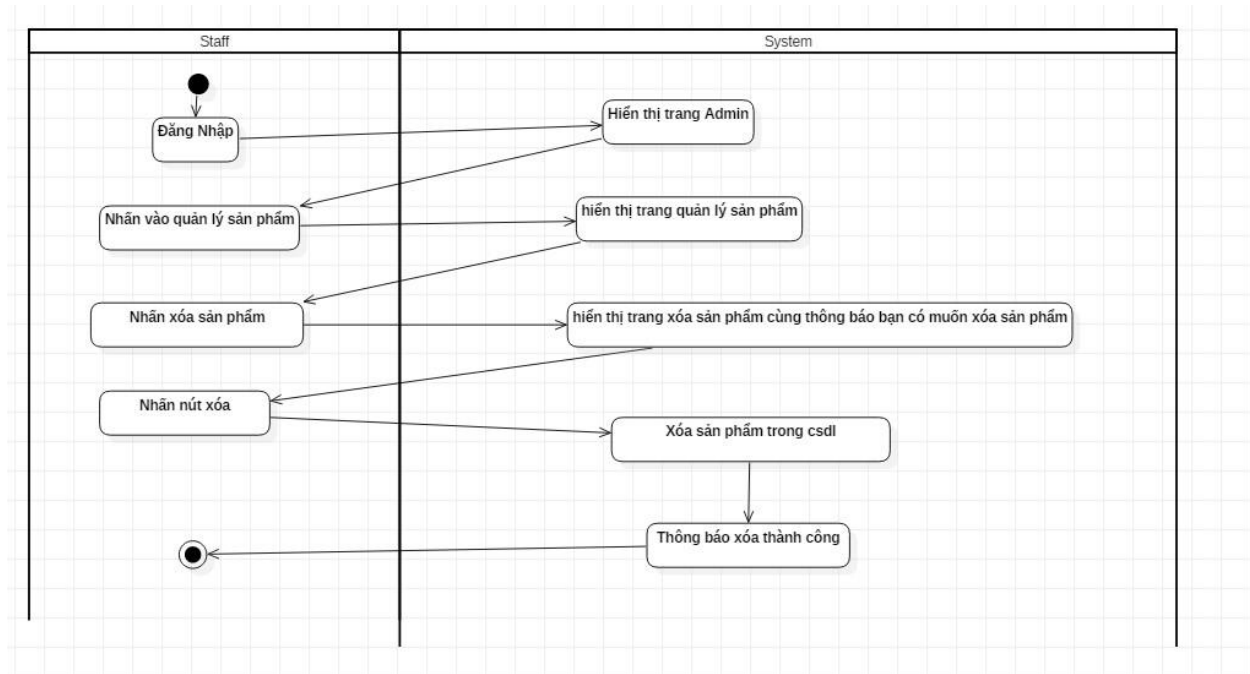
3. Thêm Sản Phẩm



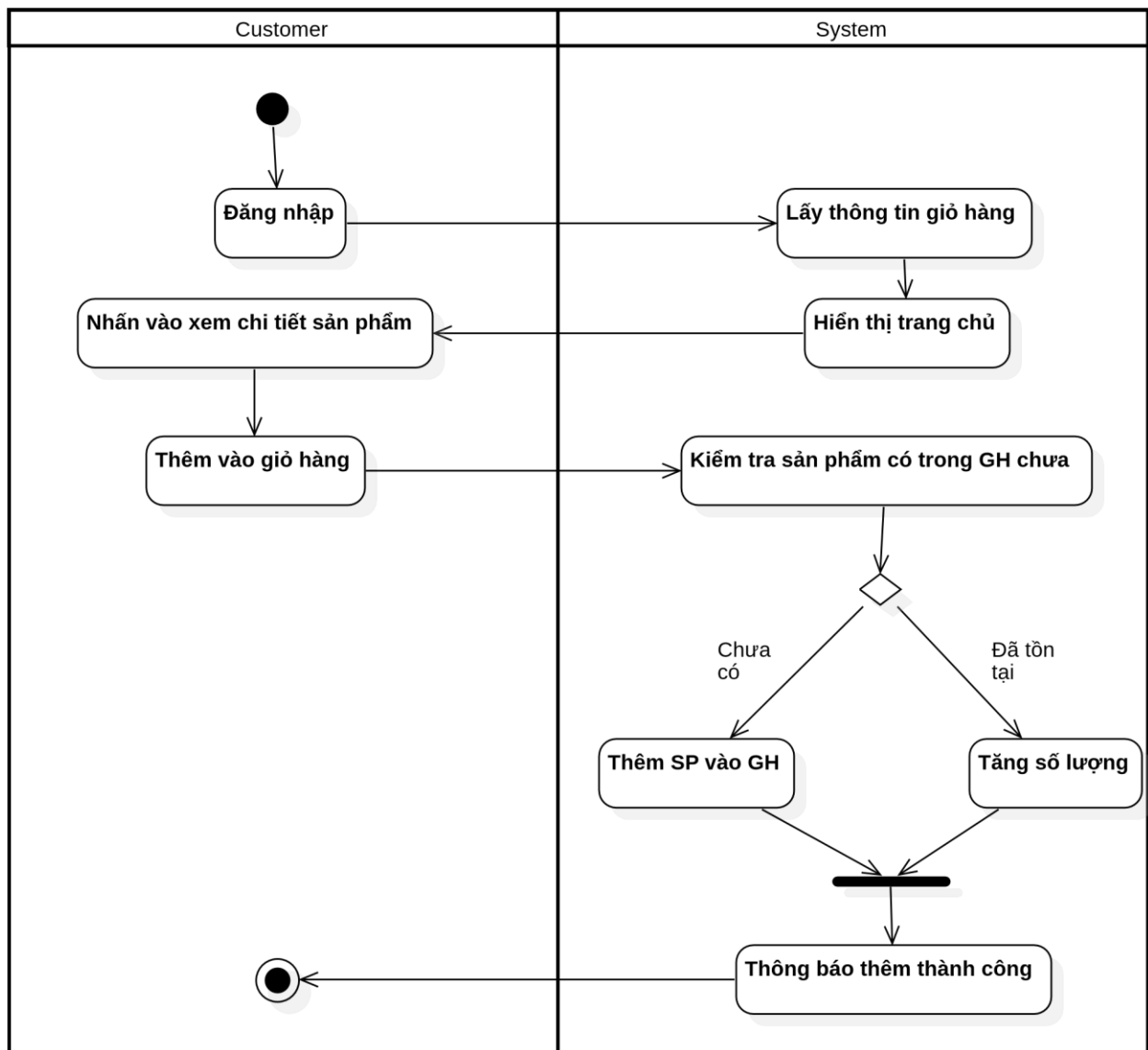
4. Sửa Sản Phẩm



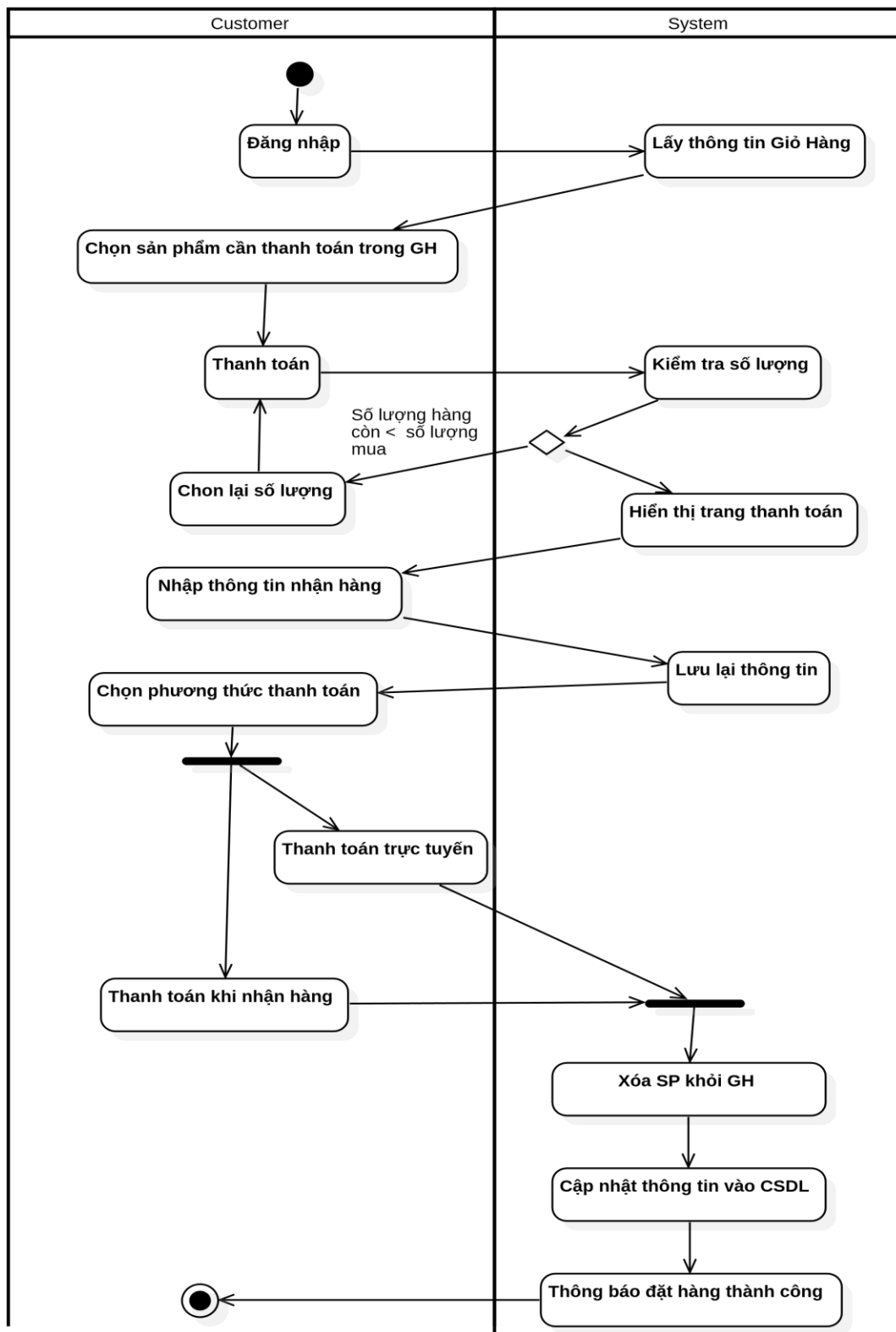
5. Xóa Sản Phẩm



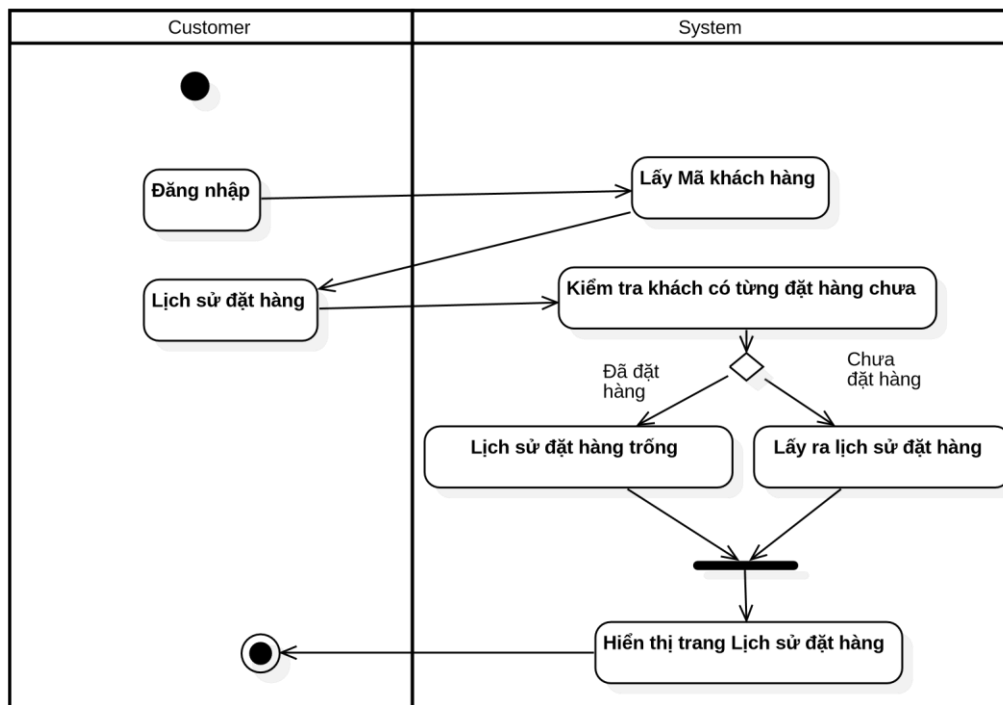
6. Quản Lý Đơn Hàng



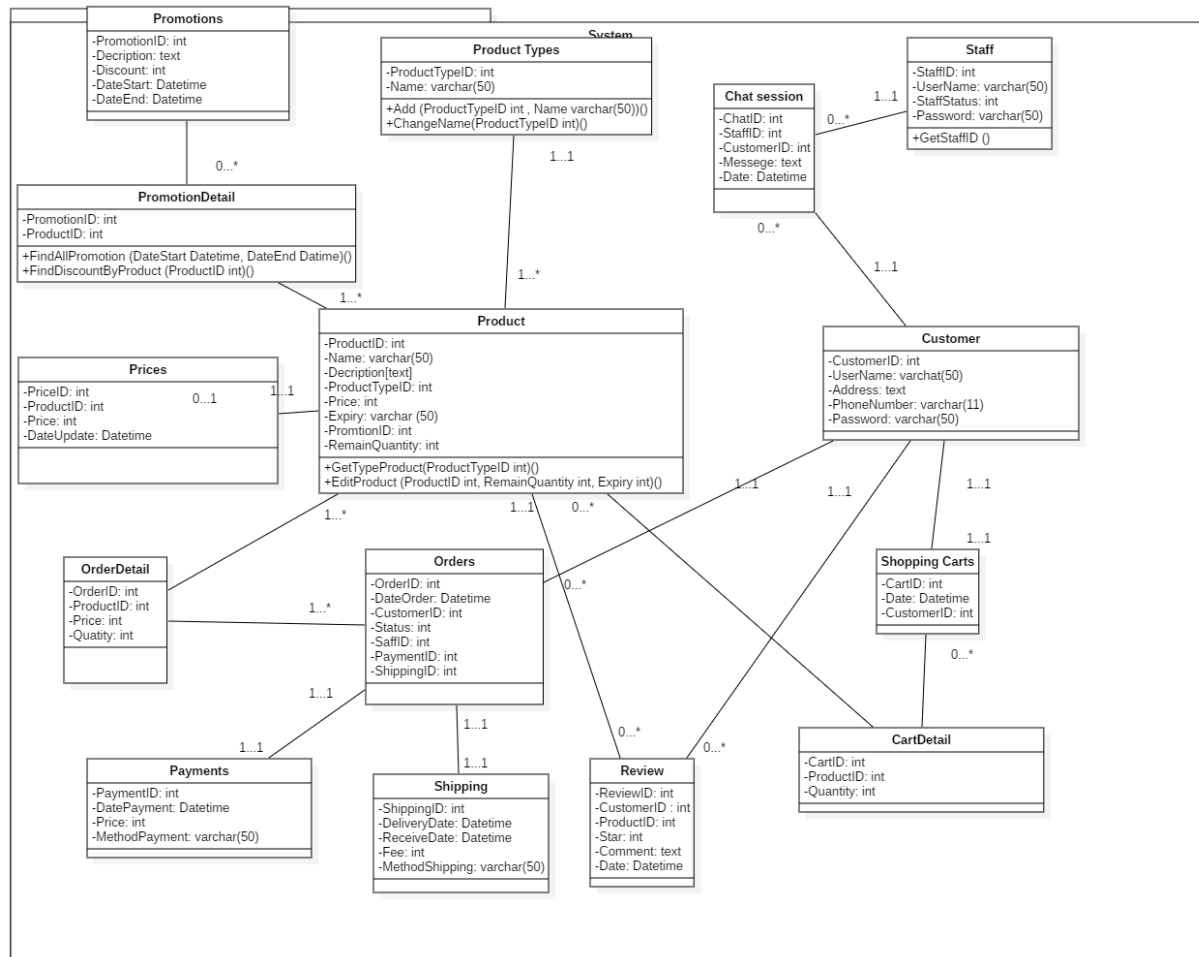
8. Thanh toán



9. Lịch sử đặt hàng



CSDL quan hệ



Xác Định Các Ràng Buộc

Bảng Product

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Ràng Buộc	Mô Tả
1	ProductID	int	Not null	Khóa chính
2	Name	Nvarchar (50)	Not null	Tên sản phẩm
3	Description	Text		Mô tả sản phẩm
4	ProductTypeID	int	Not null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng ProductType
5	Price	int	Not null	Giá sản phẩm
6	Expiry	Varchar (50)	Not null	Hạn sử dụng

7	PromotionID	int	Allow null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Promotion
8	RemainQuantity	int	RemainQuantity > 0	Số lượng tồn

Bảng Shipping

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Ràng Buộc	Mô Tả
1	ShippingID	int	Not null	Khóa chính
2	DeliveryDate	Datetime	Trước hoặc bằng ngày nhận hàng	Ngày giao hàng
3	ReceiveDate	Datetime	Sau hoặc bằng ngày giao hàng	Ngày nhận hàng
4	Fee	int	Allow null	Phí
5	MethodShipping	Varchar (50)	Not null	Phương thức vận chuyển

Bảng Order

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Ràng Buộc	Mô Tả
1	OrderID	int	Not null	Khóa chính
2	DateOrder	Datetime	Not null	Ngày đặt hàng
3	CustomerID	int	Not null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Customer
4	Status	int	Not null	Trạng thái đặt hàng
5	StaffID	int	Not null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Staff
6	PaymentID	int	Not null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Payment
7	ShippingID	int	Not null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Shipping

Bảng OrderDetails

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Ràng Buộc	Mô Tả
1	OrderID	int	Not null	Khóa chính

2	ProductID	int	Not null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Product
3	Price	Price >= 0	Not null	Giá tiền
4	Quantity	Quantity > 0	Not null	Số lượng

Bảng ProductType

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Ràng Buộc	Mô Tả
1	ProductTypeID	int	Not null	Khóa chính
2	Name	Nvarchar (50)	Not null	Tên loại sản phẩm

Bảng tblCartDetail

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	CartID	Int	Not null	Khóa chính
2	ProductID	Int	Not null	Khóa ngoại
3	Quantity	Int	Quantity>0	Số lượng sản phẩm trong giỏ hàng

Bảng tblPromotionDetail

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	PromotionID	Int	Not null	Khóa chính
2	ProductID	Int	Not null	Mã sản phẩm

Bảng tblPromotion

1	PromotionID	Int	Not null	Khóa chính
2	Decrisption	Nvarchar(300)	Not null	Mô tả chi tiết khuyến mãi
3	Discount	Nvarchar(30)	Discount>0	Chiết khấu
4	DateStart	Datetime	DateStart>DateEnd	Ngày bắt đầu áp dụng
5	DateEnd	Datetime		Ngày kết thúc áp dụng

Bảng tblStaff

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	StaffID	Varchar(10)	Not null	Khóa chính
2	UserName	Nvarchar(50)	Not null	Tên tài khoản
STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả

3	StaffStatus	Int	Not null	Trạng thái hoạt động (1 là nhân viên bán hàng, 2 là nhân viên kho, 3 là admin)
4	Password	Nvarchar(20)	Not null	Mật khẩu tài khoản người dùng

Bảng tblPayment

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	PaymentID	Int	Not null	Khóa chính
2	DatePayment	Datetime	Not null	Ngày đặt hàng
3	Price	Int	Price>=0	Tổng số tiền đơn hàng
4	MethodPayment	Nvarchar(150)	Not null	Phương thức thanh toán

Bảng Customer

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	CustomerID	Int	Not Null	Khóa chính
2	Name	Nvarchar (50)	Not Null	Họ và tên khách hàng
3	Address	Nvarchar (50)	Not Null	Địa chỉ của khách hàng
4	PhoneNumber	Char (11)	Not Null	Số điện thoại
5	Password	Varchar (50)	Not Null	Mật khẩu dùng để đăng nhập

Bảng Review

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	ReviewID	Int	Not Null	Khóa chính
2	CustomerID	Int	Not Null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Customer
3	ProductID	Int	Not Null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Product

4	NumberStar	Int	0 <=NumberStar <=5	Số sao đánh giá
5	Comment	Text	Allow Null	Bình luận, phản hồi
6	Date	Date	Not Null	Ngày đánh giá

Bảng ShoppingCart

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	CartID	Int	Not Null	Khóa chính
2	Date	Date	Not Null	Ngày thêm SP vào giỏ hàng
3	CustomerID	int	Not Null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Customer

Bảng ChatSession

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	ChatID	Int	Not Null	Khóa chính
2	StaffID	Int	Not Null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Staff
3	CustomerID	Int	Not Null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Customer
4	Messege	Text	Not Null	Nội dung chat
5	Date	Datetime	Not Null	Thời gian chat

Bảng Price

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Ràng buộc	Mô tả
1	PriceID	Int	Not Null	Khóa chính

2	ProductID	Int	Not Null	Khóa ngoại tham chiếu từ bảng Product
3	Price	Int	Not Null	Giá thay đổi
4	DateUpload	Date	Not Null	Thời gian thay đổi

